

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2023

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Thanh Đình;
- Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ Q, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu L trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng T có thời gian tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Năm 2020, ông T bị Tòa án nhân dân tỉnh Q tuyên phạt 12 năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Vì xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Q, sinh ngày 13/5/2015, hiện nay cháu Q đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà L xin nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Vào năm 2010, ông có quen biết, tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Diệu L. Năm 2020, ông T bị Tòa án nhân dân tỉnh Q tuyên phạt 12 năm tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, hiện nay, ông đang chấp hành án tại Trại giam K, tỉnh B. Bà L xin ly hôn ông T đồng ý.

Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Q, sinh ngày 13/5/2015, hiện nay cháu Q đang ở với bà L. Vì ông đang chấp hành án nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông T đồng ý giao con bà L nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu L. Bà Nguyễn Thị Diệu L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Q, sinh ngày 13/5/2015. Giao cháu Q cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T có địa chỉ Tổ Q, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, bà Nguyễn Thị Diệu L và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S(nay là phường T), thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Theo bà Nguyễn Thị Diệu L trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Năm 2020, ông Nguyễn Hoàng T bị Tòa án nhân dân tỉnh Q tuyên phạt 12 năm tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam K, tỉnh B. Vì xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu L; bà Nguyễn Thị Diệu L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

[3.3] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Q, sinh ngày 13/5/2015, cháu Q đang sinh sống cùng với bà L. Khi ly hôn, bà L xin nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng, cháu Q cũng có ý kiến, nguyện vọng ở với bà L, ông T đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay ông đang chấp hành án nên không có điều kiện để nuôi con. Xét thấy, để đảm bảo phát triển về mọi mặt và ổn định việc học tập, sinh sống cho cháu Q, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông T không cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diệu L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu L. Bà Nguyễn Thị Diệu L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Q, sinh ngày 13/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Diệu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Hoàng T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diệu L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004496 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND phường T;
Tp.Q.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Loan

